TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 184/2017/HC-PT
Ngày: 16-8-2017
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng An Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 179/2016/TLPT-HC ngày 20 tháng 10 năm 2016 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2016/HCST ngày 07 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 129/2016/QĐPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị L

Địa chỉ cư trú: 66/14, khu phố TL 2, phường DA, thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thiện Đ

Địa chỉ cư trú: 160/24/1 PHI, Phường 12, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (hợp đồng ủy quyền ngày 05/6/2017 tại Văn phòng Công chứng TTV).

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị kiện:*

1/ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Mai Hùng D

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương (Công văn ủy quyền số 2567/UBND-BTCD ngày 25/7/2016). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã DA, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Văn T

Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã DA, tỉnh Bình Dương (Quyết định ủy quyền số 1716/QĐ-UBND ngày 19/4/2017)

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh Ph

Địa chỉ cư trú: 66/14, khu phố TL 2, phường DA, thị xã DA, tỉnh Bình Dương; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2016, bản tự khai ngày 17/4/2016 và biên bản đối thoại, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thanh Ph thống nhất trình bày:

Năm 1987, bà nội của bà L (bà Huỳnh Thị L1) chết để lại tờ đăng ký ruộng đất với biên lai thu lệ phí đo đạc diện tích 900m^2, tọa lạc tại khu phố BĐ1, phường AB, thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Sau đó, bà Nguyễn Thị L có cho bà Huỳnh Thị N phần đất 205m^2, nay là thửa đất 526, tờ bản đồ 8, diện tích đất 248m^2. Bà L không đăng ký thửa 528, tờ bản đồ 8 mà do UBND huyện TA (nay là UBND thị xã DA) tự áp đặt cho bà L.

Căn cứ theo Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 22/7/1994, bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ trắng) số 02465, thửa số 676, bản đồ số 2, diện tích 643,82m^2. Đến ngày 13/7/1998, bà L được đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số 187 QSDĐ/CQDA, thửa số 528, tờ bản đồ số 8, diện tích 561m^2, giảm 82m^2. Do thiếu hiểu biết và không rõ thủ tục khiếu nại nên không khiếu nại

Đến ngày 30/3/2009, bà L mới khiếu nại phần diện tích đất bị giảm 82m^2. Ngày 10/8/2010, Chủ tịch UBND phường AB, thị xã DA ban hành Quyết định số 250/QĐ-UBND, bác đơn khiếu nại của bà L. Ngày 31/10/2010, Chủ tịch UBND phường AB, thị xã DA ban hành Quyết định số 333/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 250/QĐ-UBND. Đến ngày 08/8/2011, UBND thị xã DA ban hành Công văn số 2529/UBND-NC trả lời về việc cấp GCNQSDĐ số 187 QSDĐ/CQDA ngày 13/7/1998, thửa số 528, bản đồ số 8, diện tích 561m^2 là đúng pháp luật.

Bà L tiếp tục khiếu nại và ngày 07/8/2015, Chủ tịch UBND thị xã DA ban hành Quyết định số 4259/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà L. Ngày 19/01/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L khiếu nại Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã DA, tỉnh Bình Dương, theo đó bác đơn khiếu nại của bà L.

Bà L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương và Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã DA.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 16/8/2016, biên bản đối thoại, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Mai Hùng D trình bày:

Bà Nguyễn Thị L khiếu nại Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã DA về việc giải quyết đơn bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L về yêu cầu cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 82m^2 có nguồn gốc là đất công do Nhà nước quản lý.

Không đồng ý với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND thị xã DA, bà L khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Qua xem xét kết quả thẩm tra, xác minh của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 3886/BC-STNMT ngày 23/11/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương kết luận tại Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L khiếu nại Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã DA (lần hai), như sau:

Việc bà Nguyễn Thị L khiếu nại Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch UBND thị xã DA và yêu cầu cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 82m^2 sau khi cấp đổi GCNQSDĐ từ năm 1998 là không có cơ sở xem xét, giải quyết, vì:

1. Diện tích đất 82m^2 (643,82m^2 - 561m^2) bà L cho rằng bị thiếu do việc cấp đổi GCNQSDĐ từ sổ trắng sang sổ đỏ, nhưng trên thực tế diện tích đất này từ năm 1980 cho đến nay bà L không có quản lý sử dụng, không có kê khai đăng ký đất cũng như làm nghĩa vụ thuế cho Nhà nước, diện tích đất 82m^2 trên thực tế là một phần của thửa đất số 527 do UBND thị trấn (nay là phường) AB kê khai đăng ký quản lý.

2. Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất thì bà Nguyễn Thị L không cung cấp được giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu trên.

Đối chiếu quy định trên, việc bà L yêu cầu được cấp GCNQSDĐ diện tích 82m^2 giảm (do đổi GCNQSDĐ từ sổ trắng sang sổ đỏ) là không phù hợp. Chủ tịch UBND thị xã DA ban hành Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 về việc giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L về yêu cầu cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 82m^2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 19/01/2016; đồng thời, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L; công nhận nội dung Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 25/4/2016, biên bản đối thoại, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị xã DA trình bày:

Năm 2011, bà L nộp đơn kiến nghị UBND thị xã DA xem xét lại việc cấp đổi GCNQSDĐ của bà: Cấp đổi từ GCNQSDĐ (sổ trắng) số 02465 ngày

22/7/1994 sang GCNQSDĐ số 187 QSDĐ/CQ.DA ngày 13/7/1998. Ngày 08/8/2011, UBND thị xã DA có Công văn số 2529/UBND-NC trả lời bà L với nội dung việc cấp đổi GCNQSDĐ cho bà L vào năm 1998 là phù hợp quy định.

Ngày 30/3/2015, bà L có đơn khiếu nại Công văn số 2529/UBND-NC. Qua xem xét nội dung đơn và kết quả làm việc ngày 02/6/2015 với bà L, xác định bà L khiếu nại Công văn số 2529/UBND-NC yêu cầu Chủ tịch UBND thị xã DA cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích 82m^2 bị giảm sau khi cấp đổi GCNQSDĐ năm 1998. Ngày 07/8/2015, Chủ tịch UBND thị xã DA ban hành Quyết định số 4259/QĐ-UBND với nội dung: Bác đơn khiếu nại của bà L.

Qua thẩm tra hồ sơ và kết quả xác minh thực tế, UBND thị xã DA nhận thấy việc bà L khiếu nại, yêu cầu hủy Quyết định số 4259/QĐ-UBND là không có cơ sở, vì:

Thửa đất 527, tờ bản đồ 08 theo hệ thống bản đồ năm 2005 thuộc thửa 1910, tờ bản đồ 8AB.10 có diện tích đo đạc thực tế là 141,lm^2 nằm trong danh sách đất công của phường AB, thị xã DA từ khi nhận bàn giao của UBND thị trấn DA (năm 1999) đến nay. Từ khi tiếp nhận, trên đất đã có căn nhà cấp 4 do bà Đỗ Thị Y chiếm dụng để ở và làm đại lý buôn bán gạo cho đến nay.

Theo sổ mục kê xã (nay là phường) AB, thị xã DA ngày 10/12/1996, bà L không kê khai đăng ký đối với thửa đất 527, tờ bản đồ 08 mà tại trang 116 ghi nhận đối tượng kê khai là UBND xã (nay là phường) AB, thị xã DA.

Năm 1994 (cấp sổ trắng): Căn cứ Quyết định số 786/QĐ-UB ngày 22/4/1994 của UBND huyện (nay là thị xã) TA về việc giao đất và thu hồi đất cho bà L, thửa đất 676, diện tích 643,82m^2. Trên cơ sở đó, bà L được cấp GCNQSDĐ (sổ trắng) số 02465 ngày 22/7/1994 với diện tích nêu trên.

Năm 1998, bà L đăng ký cấp đổi GCNQSDĐ theo dạng đại trà và được UBND huyện TA (nay là thị xã DA) cấp GCNQSDĐ số 187QSDĐ/CQDA ngày 13/7/1998, thửa đất 528, tờ bản đồ 08, diện tích 561m^2. So với sổ trắng được cấp, GCNQSDĐ số 187QSDĐ/CQDA giảm 82m^2, tại vị trí thửa 527, tờ bản đồ 08.

Đến năm 2010, bà L chuyển nhượng cho ông Hồ Văn Tr 75m^2. Năm 2001, bà L tiếp tục chuyển nhượng cho ông Trần Quốc V diện tích 168m^2. Đến năm 2003, bà tiến hành lập thủ tục đo đạc điều chỉnh diện tích thực tế là 320m^2. Sau đó đến năm 2004, bà L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị X 237m^2, diện tích còn lại 87m^2. Và đến năm 2010, bà L chuyển nhượng hết phần diện tích 87m^2 còn lại cho ông Nguyễn Văn H.

Đến nay, bà L đã chuyển đi nơi khác và không còn đất trên phần đất đã được cấp GCNQSDĐ nêu trên.

Về quá trình giải quyết đơn, sau khi được cấp đổi sang sổ đỏ và diện tích giảm 82m^2 so với sổ trắng đã cấp trước đây. Năm 2009, Bà L nộp đơn yêu cầu Chủ tịch UBND phường AB giải quyết cho bà được hợp thức hóa quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 82m^2 nêu trên. Ngày 30/3/2009, UBND xã (nay là phường) AB có Công văn số 25/UBND-VP với nội dung không chấp thuận với lý do thửa đất 527, tờ bản đồ 08 thuộc diện tích đất công do UBND xã (nay là phường) AB

quản lý. Bà L khiếu nại và UBND phường AB ban hành Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 10/8/2010 với nội dung bác đơn khiếu nại của bà L.

Tháng 9/2010, bà L có đơn gửi UBND thị xã DA khiếu nại Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 10/8/2010 của UBND phường AB. UBND thị xã DA ban hành Công văn số 3205/UBND-NC yêu cầu UBND phường AB thu hồi Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 10/8/2010 do ban hành không đúng thẩm quyền.

Năm 2011, bà L tiếp tục nộp đơn kiến nghị UBND thị xã DA xem xét lại việc cấp đổi GCNQSDĐ của bà L. Ngày 08/8/2011, UBND thị xã DA có Công văn số 2529/UBND-NC trả lời bà L với nội dung việc cấp đổi GCNQSDĐ cho bà L vào năm 1998 là phù hợp quy định.

Việc bà L khiếu nại, yêu cầu Chủ tịch UBND thị xã DA cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất 82m^2 bị giảm sau khi cấp đổi GCNQSDĐ năm 1998 là không có cơ sở xem xét. Do thửa đất 527, tờ bản đồ 08, có vị trí liền kề thửa đất 528, tờ bản đồ 08 (theo hệ thống bản đồ địa chính năm 1995) được UBND phường AB xác nhận thuộc diện tích đất công do địa phương quản lý. Việc bà L lấy căn cứ được cấp số trắng bao gồm phần đất này nhưng thực tế lại không có quá trình quản lý, sử dụng mà lại do bà Đỗ Thị Y chiếm dụng để ở từ trước đến nay. Bà L cho rằng năm 1975, cha bà là ông Ch có cho bà Trần Thị L1 thuê phần đất này để làm nhà ở theo giấy mượn đất nhưng trên giấy không thể hiện vị trí phần đất được thuê nên không thể chứng minh thuộc thửa 527, tờ bản đồ 08. Đồng thời, tại sổ mục kê xã (nay là phường) AB, thị xã DA ngày 10/12/1996, bà L không kê khai đăng ký đối với thửa đất 527, tờ bản đồ 08 mà tại trang 116 ghi nhận đối tượng kê khai là UBND xã (nay là phường) AB, thị xã DA. Do đó, diện tích thể hiện trên sổ trắng mà bà L được cấp là không đúng với thực tế sử dụng và việc bà L được UBND huyện TA cấp GCNQSDĐ số 187QSDĐ/CQ.DA ngày 13/7/1998 với diện tích 561m^2 thuộc thửa 528, tờ bản đồ 08 là đúng thực tế và phù hợp quy định pháp luật.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã DA giữ nguyên Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L và đề nghị TAND tỉnh Bình Dương bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh Ph thống nhất như lời trình bày của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2016/HCST ngày 07 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 140, 164, 168, 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII qui định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 142/QĐ–UBND ngày 19/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/9/2016, bà Nguyễn Thị L nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà L cho rằng bản án sơ thẩm chưa đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bà L không rút đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Vì, UBND thị xã DA và UBND tỉnh Bình Dương cho rằng phần đất 82 m^2 này do UBND phường AB kê khai đăng ký và hiện nay do bà Đỗ Thị Y chiếm sử dụng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND phường AB và bà Y vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND thị xã DA và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Xét thấy trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án trong giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng qui định của Luật Tố tụng hành chính.

Việc tuân theo pháp luật của người khởi kiện: Đơn kháng cáo của người khởi kiện được thực hiện trong thời hạn qui định của Luật Tố tụng hành chính, đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm theo qui định nên được chấp nhận.

Đối với người bị kiện: Đã thực hiện đúng qui định Luật Tố tụng hành chính. Người bị kiện đã ủy quyền đại diện tham gia tố tụng hợp lệ.

Về nội dung: Xét thấy, phần đất 82 m^2 mà bà L khiếu nại đòi lại, mặc dù có nguồn gốc của gia tộc bà L, nhưng từ trước năm 1975 đến nay bà L không trực tiếp sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo lời trình bày của bà L và các tài liệu có trong hồ sơ thì phần đất có diện tích 82 m^2 thuộc thửa 527, tờ bản đồ số 8, bộ địa chính phường AB, thị xã DA có nguồn gốc của bà nội của bà L là bà Huỳnh Thị L1 để lại cho bà L sử dụng. Bà L đã được UBND huyện TA (tỉnh Sông Bé cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (giấy trắng) vào năm 1994. Năm 1998, khi cấp đổi sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới (giấy đỏ) đã làm giảm đi 82 m^2. UBND các cấp cho rằng bà L đã không kê khai đăng ký, không có quá trình sử dụng, mà UBND phường AB là đơn vị kê khai, có tên trong sổ mục kê và hiện nay do bà Đỗ Thị Y chiếm sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập UBND phường AB và bà Y tham gia tố tụng

với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] UBND huyện TA (tỉnh Sông Bé cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy trắng) cho bà L với diện tích 643,82 m^2, thuộc thửa 672, tờ bản đồ số 2 vào năm 1994. Khi cấp đổi sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới (giấy đỏ) vào năm 1998, UBND thị xã DA đã làm giảm đi 82 m^2. Bản chất của việc giảm diện tích đất này là Nhà nước thu hồi 82 m^2 đất của bà L. Nếu có căn cứ cho rằng bà L không kê khai đăng ký đất, không có quá trình sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất, thì UBND thị xã DA phải ban hành quyết định thu hồi 82 m^2 đất này. Việc UBND thị xã DA tự ý điều chỉnh, ghi giảm diện tích đất của bà L trong giấy chứng nhận mà không có quyết định thu hồi là trái quy định của quy định của Luật Đất đai.

Xét thấy kháng cáo của bà L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Do hủy bản án sơ thẩm nên bà L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

1/ Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 15/2016/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

2/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 2765 ngày 15/3/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- NKK(1)
- NBK(2)
- NLQ(1)
- Lưu(3), 15b (Án12).